UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /QĐ-STNMT	*Điện Biên, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch Quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/06/2014;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 01/10/2003 của UBND tỉnh lai Châu (cũ) về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Kiện toàn tổ chức, bộ máy Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên năm 2019 gồm các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

- Kiểm soát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu về hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở đánh giá diễn biến môi trường nhằm đề ra các biện pháp phòng ngừa và dự báo các vấn đề ô nhiễm môi trường.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Môi trường không khí:

a. Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn giao thông: *Các chỉ tiêu quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm; Vận tốc, hướng gió; Áp suất khí quyển; Tổng bụi*

lơ lửng (TSP); Bụi ≤ 10 µm (PM10); Bụi ≤ 2,5 µm ($PM_{2,5}$); Pb; O_3; NO_2; SO_2; CO; Mức ồn trung bình (LAeq) ; Mức ồn cực đại (LAmax);

TT	Khu vực		Số lượng mẫu	Tổng số
1	TP Điện Biên Phủ	Chợ trung tâm I	01	05
		Khu tái định cư Noong Bua	01	
		Ngã tư sân vận động và trường tiểu học Hà Nội Điện Biên Phủ	01	
		Khu ngã ba bến xe (giao đường Trần Đăng Ninh và đường Nguyễn Hữu Thọ)	01	
		Khu chợ cây xăng C4	01	
2	Huyện Điện Biên	Chợ Bản Phủ	01	02
		Trung tâm huyện mới	01	
3	Thị xã Mường Lay	Khu tái định cư Chi Luông	01	03
		Khu tái định cư Cơ Khí	01	
		Đối diện trường tiểu học Nậm Cản	01	
4	Huyện Mường Ẳng	Trung tâm thị trấn huyện (Trước cổng Đài phát thanh - truyền hình huyện)	01	02
		Chợ trung tâm	01	
5	Huyện Tuần Giáo	Ngã ba Tuần Giáo	01	02
		Chợ trung tâm	01	
6	Huyện Mường Chà	Cổng chợ thị trấn Mường Chà	01	02
		Ngã ba cầu Na Pheo	01	
7	Huyện Điện Biên Đông	Điểm đầu thị trấn	01	02
		Trung tâm thị trấn huyện	01	
8	Huyện Tủa Chùa	Trung tâm thị trấn huyện	01	02
		Khu tái định cư Huổi Lực	01	
9	Huyện Mường Nhé	Bến xe huyện Mường Nhé	01	02
		Trung tâm huyện	01	
10	Huyện Nậm Pồ	Điểm đầu trung tâm huyện (cổng trụ sở công an)	01	03
		Ngã ba KM 45 xã Phìn Hồ đường vào huyện	01	
		Trung tâm huyện (ngã tư cạnh Chi cục thuế)	01	
	Tổng cộng			**25**

b. Môi trường không khí công nghiệp: *Các chỉ tiêu quan trắc: Thông số khí tượng (Nhiệt độ, độ ẩm; Vận tốc gió, hướng gió; Áp suất khí quyển), các thông số*

khí thải (Nhiệt độ khí thải; Tốc độ của khí thải; O_2; SO_2; CO; CO_2; NO; NO_2; NO_x); Kim loại (Cd, Pb, As, Sb, Cu, Zn); các đặc tính nguồn thải (Bụi tổng số; chiều cao nguồn thải, đường kính miệng ống khói; lưu lượng nguồn thải.

TT	Khu vực		Số lượng mẫu	Tổng số
1	Huyện Điện Biên	Nhà máy gạch Tuynel xã Thanh Xương	01	03
		Nhà máy xi măng Điện Biên	01	
		Nhà máy gạch Tuynel xã Sam Mứn	01	
	Tổng cộng			**03**

2. Môi trường nước:

a. Môi trường nước mặt: *Các chỉ tiêu quan trắc: pH; Oxy hòa tan (DO); Độ dẫn điện (EC); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); chất rắn lơ lửng (SS); Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5 20^0C); Nhu cầu oxy hóa học (COD); Nitơ amôn (NH_4^+ tính theo N); Nitrite (NO_2^- tính theo N); Nitrate (NO_3^- tính theo N); Tổng N; Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P); Tổng P; Phenol; Cyanua (CN^-); Coliform; E.Coli; Kim loại (Fe, Cu, Zn, Mn, Cr; Ni; Hg, As, Pd, Cd); Clorua (Cl^-); SO_4^{2-}; Tổng dầu, mỡ; Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ (Aldrin + Dieldrin, Endrin, BHC, DDT, Endosunfan(Thiodan), Lindan, Chlordane, Heptachlor); Hoá chất bảo vệ thực vật nhóm Pyrethroid: Permethrin, Cypermethrin,Fenvalerate; Hóa chất trừ cỏ (2,4D; 2,4,5T; Paraquat); Tổng hoạt độ phóng xạ α; Tổng hoạt độ phóng xạ β; E.Coli; Coliform.*

TT	Khu vực		Số lượng mẫu	Tổng số
1	TP Điện Biên Phủ	Sông Nậm Rốm (điểm đầu và điểm cuối thành phố)	02	04
		Suối Nậm Khẩu Hú	01	
		Hồ Huổi Phạ	01	
2	Huyện Điện Biên	Sông Nậm Lúa	01	03
		Hồ Pa Khoang	01	
		Hồ co Nôm xã Noong Luống	01	
3	Thị xã Mường Lay	Lòng hồ thủy điện Sơn La (chân cầu bản Xá)	01	02
		Suối Nậm Cản	01	
4	Huyện Mường Ẳng	Suối Ảng Cang	01	02
		Trung tâm thị trấn (suối bản Hon)	01	
5	Huyện Tuần Giáo	Suối Tuần Giáo (điểm chân cầu Tuần Giáo)	01	01

6	H. Mường Chà	Suối chảy qua khu vực thị trấn (điểm đầu thị trấn)	01	01
7	Huyện Điện Biên Đông	Bể nước đầu nguồn thị trấn	01	01
8	Huyện Tủa Chùa	Hồ Tông Lệnh	01	01
9	Huyện Mường Nhé	Suối Nậm Nhé (chân cầu treo Mường Nhé)	01	01
9	Huyện Nậm Pồ	Suối Nậm Ngà trung tâm huyện (chân cầu treo Huổi Hâu)	01	01
	Tổng cộng			**17**

b. Môi trường nước ngầm: *Các chỉ tiêu quan trắc: pH; DO; Độ đục, độ dẫn điện (EC); chất rắn lơ lửng (SS); Độ cứng $CaCO_3$; Nitơ amôn (NH_4^+); Nitrite (NO_2^- tính theo N); Nitrate (NO_3^- tính theo N); Sulfat (SO_4^{2-}); Photphat (PO_4^{3-}-); Oxyt Silic (SiO_3); Tổng N; Tổng P; Florua(F^-); Clorua (Cl^-); Kim loại (Fe, Cu, Zn, Cr, Mn, Se,Pb, Cd, Hg, As); Phenol; Cyanua (CN^-); Coliform; E.Coli; Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ; Thuốc BVTV nhóm Pyrethroid; Tổng hoạt độ phóng xạ α; Tổng hoạt độ phóng xạ β.*

TT	Khu vực		Số lượng mẫu	Tổng số
1	Thành phố Điện Biên Phủ	Nước giếng sinh hoạt khu tái định cư Noong Bua	01	03
		Nước giếng sinh hoạt phường Thanh Trường	01	
		Nước sinh hoạt phường Nam Thanh	01	
2	Huyện Điện Biên	Kho Chi cục BVTV tỉnh - C17 Thanh Xương	01	02
		Trung tâm huyện mới	01	
3	Thị xã Mường Lay	Nước sinh hoạt Na Lay	01	01
4	Huyện Mường Ẳng	Nước giếng sinh hoạt khối 7 và 8 thị trấn Mường Ẳng	01	01
5	Huyện Tuần Giáo	Kho thuốc BVTV thị trấn	01	01
6	Huyện Mường Chà	Nước sinh hoạt khối 3, thị trấn Mường Chà	01	01
7	H. Điện Biên Đông	Giếng sinh hoạt tổ 7, thị trấn Điện Biên Đông	01	01
8	Huyện Tủa Chùa	Nước sinh hoạt khu Thắng Lợi, thị trấn Tủa Chùa	01	02
		Kho thuốc BVTV thị trấn	01	
9	Huyện Mường Nhé	Mó nước trung tâm huyện	01	01
10	Huyện Nậm Pồ	Giếng nước sinh hoạt Chi cục thuế trung tâm huyện	01	01
	Tổng cộng			**14**

3. Môi trường đất: *Các chỉ tiêu quan trắc: Cl^-, SO_4^{2-}, HCO_3^-, tổng K_2O, tổng P_2O_5 dễ tiêu, tổng K_2O dễ tiêu, tổng N, tổng P, tổng hữu cơ; Ca^{2+}; Mg^{2+}; K^+; Na^+; Al^{3+}; Fe^{3+}; Mn^{2+}; Kim loại (Hg, Pb, Cd, As, Cu, Zn, F_e, Cu, Cr, Mn); Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ: Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$), Benthiocarb ($C_{16}H_{16}ClNOS$), Dalapon ($C_3H_4Cl_2O_2$), Fenoxaprop - ethyl ($C_{16}H_{12}ClNO_5$), Metolachlor ($C_{15}H_{22}ClNO_2$), MPCA ($C_9H_9ClO_3$), Pretilachlor ($C_{17}H_{26}ClNO_2$), Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$), 2,4-D($C_8H_6Cl_2O_3$), Aldrin ($C_{12}H_8Cl_6$), Captan ($C_9H_8Cl_3NO_2S$), Captafol ($C_{10}H_9Cl_4NO_2S$), Chlordimeform ($C_{10}H_{13}ClN_2$), Chlordane ($C_{10}H_6Cl_8$), DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Dieldrin ($C_{12}H_8Cl_6O$), Endosulfan ($C_9H_6Cl_6O_3S$), Endrin ($C_{12}H_8Cl_6O$), Heptachlor ($C_{10}H_5Cl_7$), Hexachlorobenzene (C_6Cl_6), Isodrin ($C_{12}H_8Cl_6$), Lindane ($C_6H_6Cl_6$), Sodium Pentachlorophenate monohydrate $C_5Cl_5ONa.H_2O$; Thuốc BVTV nhóm Pyrethroid: Permethrin ($C_{22}H_{20}Cl_2O_3$), Cypermethrin ($C_{22}H_{19}Cl_2NO_3$), Fenvalerate ($C_{25}H_{22}ClNO_3$).*

TT	Khu vực		Số lượng mẫu	Tổng số
1	TP Điện Biên Phủ	Cánh đồng Mường Thanh (Khu vực phường Thanh Trường)	01	01
2	Huyện Điện Biên	Cánh đồng xã Noong Hẹt	01	01
2	Huyện Tuần Giáo	Kho thuốc BVTV huyện	01	01
4	Huyện Nậm Pồ	Cánh đồng bản Phiêng Ngúa đối diện cây xăng	01	01
5	Huyện Tủa Chùa	Kho thuốc BVTV thị trấn	01	01
6	Huyện Mường Nhé	Cánh đồng Mường Toong	01	01
7	Huyện Mường Chà	Cánh đồng bản Mường Mươn	01	01
	Tổng cộng			**07**

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Quan trắc môi trường năm 2019 tỉnh Điện Biên được thực hiện thành 02 đợt:

- Đợt 1 (mùa khô): Từ tháng 3/2019 - tháng 6/2019;

- Đợt 2 (mùa mưa): Từ tháng 8/2019 - tháng 12/2019.

IV. KINH PHÍ DỰ KIẾN THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dự kiến cho 2 đợt: 1.256.150.786 VNĐ *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng)(Chi tiết biểu kèm theo)*

V. SẢN PHẨM

Sản phẩm nghiệm thu bao gồm: 10 bộ Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc; 03 đĩa CD ghi kết quả quan trắc.

Điều 2. Chi cục Bảo vệ môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở; các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện theo đúng nội dung và tiến độ Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Kế hoạch -Tài chính; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường; Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở, các cơ quan tổ chức có liên quan chiệu trách nhiệm thi Quyết định này./.

Nơi nhận
- UBND tỉnh (b/c);
- Tổng cục Môi trường (b/c);
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, kế toán Sở, CCBVMT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bùi Châu Tuấn

DỰ TOÁN KINH PHÍ (TẠM TÍNH) THỰC HIỆN QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 03 /QĐ-STNMT ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá *(Đã bao gồm 20% chi phí quản lý chung)*	Thành tiền *(VNĐ)*
1	**Môi trường không khí**				**97.553.585**
1.1	Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn giao thông	Mẫu	25	2.848.163	71.204.075
1.2	Môi trường không khí công nghiệp	Mẫu	03	8.783.170	26.349.510
2	**Môi trường nước**				**410.831.545**
2.1	Môi trường nước mặt	Mẫu	17	13.327.423	226.566.191
2.2	Môi trường nước ngầm	Mẫu	14	13.161.811	184.265.354
3	**Môi trường đất**	Mẫu	07	17.098.609	**119.690.263**
Kinh phí cho một đợt: (1+2+3)					**628.075.393**
Tổng kinh phí cho 02 đợt					**1.256.150.786**

(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng)